

## PHỤ LỤC 2A

# BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CÁC CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ

Vui lòng gửi lại mẫu báo cáo đã hoàn thiện trước ngày 01/01/2018. Tệp báo cáo điện tử xin gửi trực tiếp về Cục Tin học hóa – Bộ Thông tin và Truyền thông theo địa chỉ thư điện tử: [aita@mic.gov.vn](mailto:aita@mic.gov.vn). Bản cứng báo cáo xin gửi về địa chỉ:

- **Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông**  
18 Nguyễn Du, Hà Nội

Thông tin theo báo cáo này được sử dụng để đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây viết tắt là CQCP). Do đó, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị các đơn vị cung cấp thông tin chính xác, phản ánh đúng thực trạng.

Mốc thời gian cho các số liệu thống kê: 01/12 năm trước đến hết ngày 30/11 của năm báo cáo.

Vui lòng tham khảo mục “Giải thích từ ngữ” (Mục 10) tại trang cuối trước khi thực hiện khai thông tin.

## MỤC 1. THÔNG TIN CHUNG

1. Năm báo cáo: .....
2. Tên cơ quan báo cáo: .....
3. Địa chỉ cơ quan: .....
4. Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức: .....
5. Phạm vi đánh giá ứng dụng CNTT:
  - 5.1. Tổng số đơn vị thuộc Cơ quan: .....

*Đơn vị thuộc, trực thuộc CQCP (sau đây gọi tắt là đơn vị thuộc CQCP) trong phạm vi thống kê bao gồm các đơn vị: Văn phòng, Vụ, Thanh tra, Cục, Tổng cục, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc CQCP (không bao gồm các báo, tạp chí, nhà xuất bản, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp thuộc CQCP).*

- 5.2. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của CQCP (viết tắt CBCCVC): ..... người  
*CBCCVC của CQCP trong phạm vi thống kê bao gồm các CBCCVC của các đơn vị thuộc CQCP nói trên.*

## MỤC 2. HẠ TẦNG KỸ THUẬT CNTT

1. Trang bị máy tính (bao gồm máy tính để bàn, xách tay, máy tính bảng).

Tổng số máy tính: ..... chiếc                      Tỷ lệ trang bị máy tính cho CBCCVC: ..... %

2. Cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền có trả phí:

Tổng số máy tính được cài đặt: ..... chiếc                      Tỷ lệ máy tính được cài đặt: ..... %

3. Kết nối mạng Internet

- Tổng băng thông kết nối Internet quy đổi của các đơn vị thuộc CQCP (cách tính xem tại mục 10.1): ..... Mbps.

- Tỷ lệ băng thông kết nối Internet quy đổi/ CBCCVC (cách tính xem tại mục 10.2):  
..... Mbps/người

4. Kết nối mạng diện rộng của CQCP (WAN - Wide area network)

*Ghi chú: Mạng diện rộng (WAN) của CQCP là một hệ thống mạng kết nối các mạng cục bộ (LAN - Local Area Network) của các đơn vị thuộc CQCP với nhau (trong trường hợp CQCP có mạng kết nối các đơn vị với nhau thì cũng được tính tương tự).*

CQCP đã có mạng diện rộng

Có                       Không

*Nếu có, cung cấp các thông tin sau:*

- Số lượng đơn vị đã kết nối với mạng diện rộng của CQCP: ..... đơn vị
- Tỷ lệ đơn vị đã kết nối với mạng diện rộng của CQCP: ..... %
- Mạng diện rộng của CQCP đang được vận hành theo hình thức nào:
  - Tự vận hành
  - Thuê nhà cung cấp dịch vụ vận hành
  - Hình thức khác (nêu rõ): .....
- Liệt kê các ứng dụng đang được sử dụng trên mạng diện rộng của CQCP:
  - 1) .....
  - 2) .....
  - 3) .....

## 5. Trung tâm dữ liệu/Phòng máy chủ của CQCP

### Ghi chú:

- CQCP và các đơn vị thuộc CQCP có thể có nhiều Trung tâm dữ liệu/ Phòng máy chủ. Tuy nhiên, thông tin dưới đây chỉ khảo sát đối với Trung tâm dữ liệu/ Phòng máy chủ do đơn vị chuyên trách CNTT của CQCP quản lý. Khái niệm Trung tâm dữ liệu xem tại mục 10.3.

CQCP hiện đang có

- Trung tâm dữ liệu       Phòng máy chủ

Nếu CQCP có Trung tâm dữ liệu, cung cấp thông tin mục 5.1, 5.2, 5.3

Nếu CQCP có Phòng máy chủ, cung cấp thông tin mục 5.4, 5.5

### 5.1. Trung tâm dữ liệu do CQCP

- Tự vận hành và duy trì
- Thuê nhà cung cấp dịch vụ, ghi rõ tên đơn vị cung cấp: .....

### 5.2. CQCP có Trung tâm dữ liệu dự phòng không?

Ghi chú: Trung tâm dữ liệu dự phòng có thể do Bộ tự xây dựng hoặc thuê dịch vụ

- Có       Không

### 5.3. Trung tâm dữ liệu của CQCP đáp ứng tiêu chuẩn nào:

Đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với Trung tâm dữ liệu đã được quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của CQCP Thông tin và Truyền thông.

- Có       Không

Nếu có, cung cấp thông tin về văn bản Thông báo tiếp nhận bản công bố phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Cục Viễn thông - CQCP Thông tin và Truyền thông cấp (Tên, số hiệu và ngày văn bản chứng nhận): .....

Nếu đáp ứng tiêu chuẩn khác (như tiêu chuẩn Uptime (UTI) với 4 mức độ: Tier I-II-III-IV...), cung cấp thông tin về:

+ Mức độ tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu: .....

+ Thông tin về tổ chức và giấy chứng nhận (cung cấp địa chỉ URLs hoặc tài liệu kiểm chứng): .....

5.4. Phòng máy chủ của CQCP đã triển khai các hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh nào sau đây:

TT	Tên hệ thống	Có: 1/ Không: 0
1	Hệ thống phát hiện xâm nhập (IDS)	
2	Hệ thống bảo vệ xâm nhập (IPS)	
3	Hệ thống tường lửa (Firewall)	
4	Hệ thống ngăn chặn virus (Antivirus)	
5	Hệ thống chặn thư rác (Spam blockers)	
6	Hệ thống an toàn báo cháy, nổ	
7	Hệ thống an toàn chống sét	
8	Hệ thống khác (nêu rõ):.....	

5.5. Phòng máy chủ của CQCP đã triển khai hệ thống lưu trữ, an toàn dữ liệu nào sau đây:

TT	Tên hệ thống	Có: 1/ Không: 0
1	Hệ thống lưu trữ SAN (Storage Area Network)	
2	Hệ thống lưu trữ NAS (Network Attached Storage)	
3	Hệ thống lưu trữ DAS (Direct Attached Storage)	
4	Hệ thống lưu trữ băng từ (Tape)	
5	Hệ thống lưu trữ khác (nêu rõ):.....	

## 6. Điện toán đám mây (Cloud Computing)

Hạ tầng kỹ thuật CNTT của CQCP đã triển khai mô hình điện toán đám mây chưa?

Có  Không

Nếu có, CQCP hiện đang sử dụng mô hình dịch vụ nào

Dịch vụ cung cấp hạ tầng thiết bị (IaaS)

Dịch vụ cung cấp nền tảng vận hành (PaaS)

- Dịch vụ cung cấp phần mềm ứng dụng (SaaS)

### MỤC 3. ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

#### 1. Hệ thống thư điện tử

*Ghi chú: CQCP và các đơn vị thuộc CQCP có thể có nhiều hệ thống thư điện tử.*

- Hệ thống thư điện tử dùng chung là hệ thống thư điện tử của CQCP triển khai cấp cho các CBCCVN sử dụng phục vụ cho công việc, với định dạng thư điện tử @tenbonganh.gov.vn, do đơn vị chuyên trách CNTT của CQCP quản lý.

- Hệ thống thư điện tử dùng riêng là hệ thống thư điện tử do các đơn vị của CQCP triển khai cấp cho các CBCCVN sử dụng phục vụ cho công việc, do các đơn vị tự quản lý.

1.1. CQCP có bao nhiêu hệ thống thư điện tử (bao gồm hệ thống thư điện tử dùng chung và hệ thống dùng riêng của các đơn vị thuộc CQCP): ..... hệ thống

1.2. Số lượng CBCCVN được cấp tài khoản thư điện tử (bao gồm hệ thống thư điện tử dùng chung và dùng riêng): .....người, Tỷ lệ: ..... %

Trong đó,

- Số lượng CBCCVN được cấp tài khoản thư điện tử dùng chung: ..... người ,

Tỷ lệ: ..... %

- Số lượng CBCCVN được cấp tài khoản thư điện tử dùng riêng: ..... người ,

Tỷ lệ: ..... %

1.3. Kích thước tập tin tối đa (KT) cho phép đính kèm trong hệ thống thư điện tử dùng chung của CQCP là bao nhiêu?

KT < 10 Mb

10 Mb ≤ KT ≤ 20 Mb

KT > 20 Mb

1.4. Dung lượng hộp thư tối đa (DL) cho mỗi tài khoản trong hệ thống thư điện tử dùng chung của CQCP là bao nhiêu?

500 Mb < DL < 2Gb

2Gb ≤ DL ≤ 5Gb

DL > 5 Gb

1.5. Tỷ lệ CBCCVN thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc: ..... %

#### 2. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVBĐH)

*Ghi chú: CQCP và các đơn vị thuộc CQCP có thể có nhiều hệ thống QLVBĐH.*

- Hệ thống QLVBĐH của CQCP là hệ thống do đơn vị chuyên trách CNTT của CQCP quản lý, trang bị cho CBCCVN và các đơn vị phục vụ trong công việc trao đổi văn bản điện tử và điều hành (sau đây gọi là Hệ thống QLVBĐH dùng chung)

- Hệ thống QLVBDH dùng riêng là hệ thống do các đơn vị của CQCP triển khai, trang bị cho CBCCVC và các đơn vị phục vụ trong công việc trao đổi văn bản điện tử và điều hành, do các đơn vị tự quản lý (sau đây gọi là Hệ thống QLVBDH dùng riêng)
- Kết nối các hệ thống QLVBDH là việc chuyển văn bản dưới dạng điện tử từ hệ thống QLVBDH này đến hệ thống QLVBDH khác.

## 2.1. Hiện trạng triển khai

Hiện trạng triển khai Hệ thống QLVBDH của CQCP thuộc trường hợp nào sau đây:

- Trường hợp 1: Hệ thống dùng chung của CQCP đã được tất cả các đơn vị sử dụng chung
- Trường hợp 2: CQCP có hệ thống dùng chung triển khai cho một số đơn vị và một số đơn vị có hệ thống dùng riêng, nhưng tất cả các hệ thống này đã kết nối với nhau
- Trường hợp 3: CQCP có hệ thống dùng chung triển khai cho một số đơn vị và một số đơn vị có hệ thống dùng riêng, nhưng các hệ thống này chưa kết nối hết với nhau

Nếu thuộc trường hợp 3, cung cấp thông tin sau:

- Số lượng đơn vị đã có Hệ thống QLVBDH: ..... đơn vị, Tỷ lệ: ..... %
- Số lượng đơn vị có Hệ thống QLVBDH đã kết nối với Hệ thống QLVBDH dùng chung: ..... đơn vị, Tỷ lệ: ..... %

## 2.2. Thông tin phục vụ đánh giá hiệu quả sử dụng Hệ thống QLVBDH

a. Tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) cấp CQCP

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các đơn vị thuộc CQCP hoàn toàn dưới dạng điện tử: ..... %
- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các đơn vị thuộc CQCP dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy: ..... %
- Tỷ lệ Thủ trưởng các đơn vị thuộc CQCP sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc: ..... %

b. Thống kê tại Văn thư CQCP

- Thống kê văn bản điện tử: Tổng số văn bản đi thống kê trên hệ thống QLVBDH tại bộ phận Văn thư CQCP (gọi tắt là tổng số văn bản điện tử -  $\Sigma$ VBĐT): ..... văn bản
- Thống kê văn bản giấy: Tổng số văn bản đi thống kê trên Sổ đăng ký văn bản đi tại bộ phận Văn thư CQCP (gọi tắt là tổng số văn bản giấy -  $\Sigma$ VBG): ..... văn bản
- Tỷ lệ giữa tổng số văn bản điện tử ( $\Sigma$ VBĐT)/ tổng số văn bản giấy ( $\Sigma$ VBG): ..... %

## 3. Ứng dụng chữ ký số

3.1. Trang bị chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp

- Tổng số đơn vị thuộc CQCP đã được cấp chứng thư số: ..... đơn vị

- Tổng số CBCCVV đã được cấp chứng thư số: ..... người

### 3.2. Về sử dụng chữ ký số trong thư điện tử

Hệ thống thư điện tử dùng chung của CQCP đã tích hợp dịch vụ chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp chưa?

Đã tích hợp                       Chưa tích hợp

### 3.3. Về sử dụng chữ ký số trong Hệ thống QLVBĐH

a. Tình hình tích hợp chữ ký số trong hệ thống QLVBĐH dùng chung

Đã tích hợp                       Chưa tích hợp

b. Tần suất trao đổi văn bản điện tử có chữ ký số trung bình mỗi tháng

- Trong nội bộ cơ quan (giữa CQCP với các đơn vị thuộc CQCP): ...../...../tháng (Số lượng trung bình văn bản điện tử có chữ ký số/Tổng số văn bản điện tử/tháng)

- Với các cơ quan ngoài CQCP (giữa CQCP với các CQCP, ngành, địa phương khác): ...../...../tháng (Số lượng trung bình văn bản điện tử có chữ ký số/Tổng số văn bản điện tử/tháng)

---

## 4. Các ứng dụng đã triển khai sử dụng

***Ghi chú:** CQCP và các đơn vị thuộc CQCP có thể triển khai nhiều ứng dụng*

*- Ứng dụng cơ bản là ứng dụng phục vụ chung cho hoạt động của CQCP và công tác quản trị nội bộ (nhân sự, tài sản, kinh phí hoạt động...).*

*- Ứng dụng chuyên ngành là ứng dụng nhằm thực hiện những công việc, nghiệp vụ chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước đặc thù của CQCP.*

### 4.1. Ứng dụng cơ bản

a. Quản lý nhân sự

- Số đơn vị thuộc CQCP triển khai: ..... đơn vị,                      Tỷ lệ: ..... %

b. Quản lý kế toán - tài chính

- Số đơn vị thuộc CQCP triển khai: ..... đơn vị,                      Tỷ lệ: ..... %

c. Quản lý tài sản

- Số đơn vị thuộc CQCP triển khai: ..... đơn vị,                      Tỷ lệ: ..... %

d. Quản lý Thi đua - Khen thưởng

- Số đơn vị thuộc CQCP triển khai: ..... đơn vị,                      Tỷ lệ: ..... %

đ. Các ứng dụng khác, nêu rõ tên ứng dụng: .....

- Số đơn vị thuộc CQCP triển khai: ..... đơn vị,                      Tỷ lệ: ..... %

4.2. Triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP - Local Government Service Platform)

CQCP đã xây dựng LGSP cấp CQCP chưa?

Đã xây dựng                       Đang xây dựng                       Chưa xây dựng

4.3. Ứng dụng chuyên ngành

Cung cấp danh sách các ứng dụng chuyên ngành tại **Bảng 2A.1**

---

5. Hệ thống hội nghị truyền hình

5.1. Tổng số điểm kết nối: .....

5.2. Số cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình trên tổng số cuộc họp giữa CQCP với các đơn vị thuộc CQCP được thực hiện trong năm: ...../.....

5.3. Số cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình trên tổng số cuộc họp giữa CQCP và địa phương được tổ chức trong năm: ...../.....

---

**MỤC 4. TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HOẶC CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

---

Thông tin về Website/Portal của CQCP

1.1 Số lượng truy cập trong năm (theo công cụ đếm số lần truy cập): .....

1.2. Số lượng tin, bài, văn bản cung cấp trên Website/Portal của CQCP

TT	Tiêu chí	Số lượng tin, bài, văn bản đã đăng tải trong năm
1	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý của cơ quan	
2	Thông tin chỉ đạo, điều hành	
a	Ý kiến chỉ đạo điều hành của thủ trưởng cơ quan	
b	Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
d	Lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan (đăng tải theo tuần)	
3	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách	
a	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật nói chung	
b	Chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	
4	Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước	



TT	Tiêu chí	Số lượng tin, bài, văn bản đã đăng tải trong năm
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan	
7	Thông tin báo cáo thống kê	
8	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	
9	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	
	...	
Tổng số		

## MỤC 5. CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

\* Cơ quan không có thủ tục hành chính thì không phải khai báo

1. Tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số thủ tục hành chính của Bộ): .....dịch vụ
2. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2: ..... dịch vụ
3. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: ..... dịch vụ

Cung cấp danh sách các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 của Bộ tại **Bảng 2A.2.**

4. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: ..... dịch vụ

Cung cấp danh sách các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của Bộ tại **Bảng 2A.3.**

5. Sử dụng giao thức https

- Số lượng website, portal cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Bộ sử dụng giao thức https: ..... Website/portal

- Tỷ lệ website, portal cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Bộ sử dụng giao thức https / tổng số website, portal cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Bộ: ...../.....

## MỤC 6. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC QUY ĐỊNH CHO ỨNG DỤNG CNTT

Ghi chú: Các nội dung dưới đây có thể nằm trong một quyết định riêng hoặc chung trong một văn bản.

TT	Nội dung	Nếu có, vui lòng cung cấp số, tên, ngày văn bản và địa chỉ URLs (hoặc gửi kèm nếu không có địa chỉ URLs)
1	Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 5 năm	
2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm báo cáo	
3	Báo cáo mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm báo cáo	

TT	Nội dung	Nếu có, vui lòng cung cấp số, tên, ngày văn bản và địa chỉ URLs (hoặc gửi kèm nếu không có địa chỉ URLs)
4	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT	
5	Ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử của CQCP	
6	Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT	
7	Quy định về trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước	
8	Quy định về danh mục các văn bản, tài liệu trao đổi chính thức bằng văn bản điện tử, không sử dụng văn bản giấy	
9	Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số	
10	Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ	
11	Quy chế vận hành và duy trì hoạt động cho cổng thông tin điện tử	
12	Ban hành danh sách mã định danh theo Quy chuẩn QCVN 102: 2016/BTTTT	
13	Ban hành các văn bản gắn kết giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính	
14	Ban hành các văn bản liên quan đến quy định kỹ thuật, phương án kỹ thuật, tiêu chuẩn để hướng dẫn kết nối giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong một hoặc nhiều trường hợp sau: - Giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị thuộc CQCP; - Kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; hoặc với các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương; hoặc với các hệ thống thông tin khác của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tỉnh.	
15	Thực hiện việc gửi các báo cáo về ứng dụng CNTT và phát triển chính phủ điện tử	
16	Các văn bản khác liên quan đến ứng dụng CNTT	

## MỤC 7. NHÂN LỰC CHO ỨNG DỤNG CNTT

### 1. Nhân lực cho ứng dụng CNTT

#### 1.1. Tại đơn vị chuyên trách CNTT của CQCP

- Số CBCCVC tại đơn vị chuyên trách CNTT của CQCP: ..... người
- Số CBCCVC chuyên trách về CNTT tại đơn vị chuyên trách CNTT của CQCP: ..... người

#### 1.2. Tại các đơn vị thuộc CQCP

- Số đơn vị thuộc CQCP có CBCCVC chuyên trách về CNTT: ..... đơn vị
- Tổng số CBCCVC chuyên trách về CNTT tại các đơn vị thuộc CQCP: ..... người

#### 1.3. CBCCVC chuyên trách CNTT của CQCP

- Tổng số CBCCVC chuyên trách CNTT của CQCP: ..... người
- Tỷ lệ CBCCVC chuyên trách CNTT trung bình trên một đơn vị: ..... người / đơn vị

#### 1.4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBCCVC chuyên trách CNTT (văn bằng trong lĩnh vực CNTT):

Tiến sỹ: ..... người

Thạc sỹ: ..... người

Đại học: ..... người

Cao đẳng: ..... người

Trung cấp: ..... người

Khác: ..... người

Số lượng CBCCVC có chứng chỉ về An toàn bảo mật (CISSP, Security+, CISA, CISM...):  
..... người

Số lượng CBCCVC có các chứng chỉ về Quản trị mạng (MCSE, MCSA, CCNA, CCNP...):  
..... người

Số lượng CBCCVC có chứng chỉ về Quản trị cơ sở dữ liệu (MCDDBA, OCA, OCM, OCP...):  
..... người

#### 1.5. Kỹ năng ứng dụng CNTT các CBCCVC trong CQCP

- Tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc: ..... %
- Tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng internet để xử lý công việc: ..... %

### 2. Đào tạo về CNTT

#### 2.1. Đào tạo về CNTT cho CBCCVC chuyên trách CNTT của CQCP

- Số lượng CBCCVC chuyên trách CNTT được đào tạo về CNTT trong năm: ..... người
- Tỷ lệ được đào tạo (so với tổng số CBCCVC chuyên trách về CNTT của CQCP): ..... %

#### 2.2. Đào tạo về CNTT cho CBCCVC của CQCP

- Số lượng CBCCVC (không tính số lượng đã kê khai tại mục 2.1) được đào tạo về CNTT trong năm: ..... người

## MỤC 8. THÔNG TIN KHÁC

Vui lòng cung cấp thêm thông tin khác về tình hình ứng dụng CNTT ngoài các nội dung nêu trên và ý kiến khác (nếu có):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## MỤC 9. THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. Họ và tên người thực hiện báo cáo: .....
2. Đơn vị công tác: .....
3. Chức vụ: .....
4. Điện thoại cố định: ..... Điện thoại di động: .....
5. Thư điện tử: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**Thủ trưởng cơ quan**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Bảng 2A.1 DANH SÁCH CÁC ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH CỦA CQCP**

TT	Tên ứng dụng	Đơn vị chủ trì	Quy mô sử dụng		Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác (Có: 1/ Không: 0)
			Đánh dấu [x] vào ô phù hợp		
			Đơn vị thuộc CQCP	Các đơn vị trong và ngoài CQCP	
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
...					

**Bảng 2A.2: DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 CỦA CQCP**

**Ghi chú:**

- Cơ quan không có thủ tục hành chính thì không phải khai báo
- Trường hợp không khai báo thông tin về số lượng hồ sơ tại cột (6) và cột (7) tương ứng với mỗi dịch vụ khai báo được hiểu là không có hồ sơ phát sinh qua DVCTT.

TT	Nhóm dịch vụ công	Tên dịch vụ công	Địa chỉ đăng tải dịch vụ	Tên cơ quan cung cấp	Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết trong năm	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến trong năm	Số lượng tình đã triển khai, sử dụng (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

**Bảng 2A.3: DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 CỦA CQCP**

**Ghi chú:**

- Cơ quan không có thủ tục hành chính thì không phải khai báo
- Không bao gồm các DVCTT mức độ 3 đã kê khai ở trên.
- Trường hợp không khai báo thông tin về số lượng hồ sơ tại cột (6) và cột (7) tương ứng với mỗi dịch vụ khai báo được hiểu là không có hồ sơ phát sinh qua DVCTT.

TT	Nhóm dịch vụ công	Tên dịch vụ công	Địa chỉ đăng tải dịch vụ	Tên cơ quan cung cấp	Số lượng hồ sơ trực tuyến đã giải quyết trong năm	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến trong năm	Số lượng tình đã triển khai, sử dụng (nếu có)	Hình thức thanh toán (Ghi rõ: Chuyển khoản, thẻ, hình thức khác nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

## MỤC 10. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

10.1. Tổng băng thông kết nối Internet quy đổi của các đơn vị thuộc CQCP được tính bằng công thức (đơn vị tính Mbps):

$$\sum \text{Băng thông kết nối Internet quy đổi} = (\sum \text{Băng thông Leased Line}) * 5 + (\sum \text{Băng thông FTTH}) * 5 + \sum \text{Băng thông xDSL} + \sum \text{Băng thông khác}$$

10.2. Tỷ lệ băng thông kết nối Internet quy đổi được tính bằng công thức:

$$\frac{\sum \text{Băng thông kết nối Internet quy đổi}}{\sum \text{CBCCVC}}$$

10.3. Trung tâm dữ liệu là một công trình xây dựng, bao gồm hạ tầng kỹ thuật (nhà trạm, hệ thống cáp) và hệ thống máy tính cùng các thiết bị phụ trợ được lắp đặt vào đó để lưu trữ, trao đổi và quản lý tập trung dữ liệu của một hay nhiều tổ chức, cá nhân (theo Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của CQCP Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu).

10.4. Sổ đăng ký văn bản đi được sử dụng để quản lý văn bản đi của cơ quan được Quy định tại Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của CQCP Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

10.5. Thường xuyên sử dụng: được tính bằng sử dụng trung bình ít nhất một ngày một lần phục vụ cho nhu cầu công việc.

10.6. Mô hình điện toán đám mây (cloud computing) là mô hình cung cấp các tài nguyên máy tính, tính toán, xử lý và lưu trữ dưới dạng dịch vụ thay vì dưới dạng sản phẩm, qua môi trường mạng, trong đó khách hàng có thể tự đặt được cấu hình theo nhu cầu. Các tài nguyên này bao gồm: hạ tầng (infrastructure), như: hệ thống mạng, phần cứng, máy tính, bộ lưu trữ,...; môi trường nền tảng (platform), như: hệ điều hành, phần mềm hệ thống, phần mềm công cụ, ...; phần mềm (software), như: phần mềm ứng dụng, tiện ích và ứng dụng máy tính khác.

10.7. LGSP – Local Government Service Platform: là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp CQCP, cấp tỉnh chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan; đơn vị thuộc phạm vi một CQCP, ngành, địa phương và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin trong nội bộ của CQCP, ngành, địa phương với các hệ thống bên ngoài.

10.8. Nội dung về đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin được quy định tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.